TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2024/HS-ST
Ngày: 30/10/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Tuân

Thẩm phán: Ông Dương Văn Bản

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Phương Thúy.

2. Bà Nguyễn Thị Tâm.

3. Bà Lý Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Diệp Thu Trang, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Tuyết Vân, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 77/2024/TLST-HS, ngày 01 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2024/QĐXXST-HS, ngày 16 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo:

Trương Văn Đ; Tên gọi khác: Không; sinh ngày 17/10/1991, tại tỉnh Thái Nguyên; Nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương Văn L, sinh năm 1957 và bà Ngọ Thị L1, sinh năm 1959; Vợ, con: Chưa có; Gia đình có ba chị em, bị cáo là con thứ ba.

- Tiền án:

+ Năm 2014 bị TAND huyện Phú Bình xử phạt 18 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"

+ Năm 2015 bị TAND huyện Phú Bình xử phạt 15 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"

+ Năm 2018 bị TAND huyện Phú Bình xử phạt 72 tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản" và tội "Trộm cắp tài sản". Chấp hành xong án phạt tù ngày 12/10/2022.

- Tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/6/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. Có mặt tại phiên toà

Người bào chữa cho bị cáo do Đoàn Luật sư tỉnh T ***cử***: Luật sư Nguyễn Ngọc T, Văn phòng L2, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T, (Có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Trương Thị V, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

2. Ông Trương Văn L, sinh năm 1957 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Người chứng kiến:

Ông Hà Việt D, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Trú tại: Tổ A, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Qua công tác nghiệp vụ và tin báo của quần chúng nhân dân, khoảng 14 giờ 30 phút ngày 16/6/2024, Phòng CSĐTTP về ma túy, Công an tỉnh T cử 01 tổ công tác phối hợp cùng công an phường Đ, TP P, tỉnh Thái Nguyên đến TDP H, phường Đ, thành phố P để xác minh tin báo, khi đến nơi đã phát hiện đối tượng Trương Văn Đ, sinh năm: 1991, trú tại: Tổ dân phố A, thị trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên nên yêu cầu kiểm tra, Đ chấp hành và khai nhận đang cất giấu trái phép ma túy trên người, đồng thời Đ tự giác lấy từ trong túi quần phía trước bên phải Đ đang mặc ra 02 túi nilon màu trắng bên trong mỗi túi đều chứa các chất tinh thể màu trắng và 06 túi nilon màu trắng bên trong mỗi túi đều chứa các viên nén màu hồng giao nộp cho tổ công tác, tổ công tác tiếp nhận niêm phong toàn bộ vào bì niêm phong ký hiệu A. Kiểm tra người Đ, phát hiện trong túi quần phía trước bên trái Đ đang mặc có 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, vỏ màu trắng, đã qua sử dụng, lắp thẻ sim số thuê bao: 0367.723.701; Số IMEI: 359500089533232, niêm phong vào bì niêm phong ký hiệu B. Kiểm tra xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, gắn BKS: 20G1 - 563.64. Số máy: JA39E1634924; số khung: RLHJA3910LY296559 là phương tiện Đ đang sử dụng, không phát hiện thu giữ gì. Sau đó, tổ công tác đưa Đ cùng toàn bộ đồ vật, tài liệu thu giữ, tạm giữ về Công an phường Đ, TP P, tỉnh Thái Nguyên để lập biên bản theo quy định.

Cùng ngày khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trương Văn Đ tại tổ dân phố số A, thị trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên nhưng không phát hiện thu giữ gì.

Mở niêm phong cân xác định khối lượng, lấy mẫu gửi giám định đối với số vật chứng thu giữ của Đ, kết quả: Trong bì niêm phong A có 02 túi nilon màu trắng bên trong mỗi túi đều chứa các chất tinh thể màu trắng và 06 túi nilon màu trắng bên trong mỗi túi đều chứa các viên nén màu hồng, có tổng cộng 570 viên.

Cân các chất tinh thể màu trắng trong niêm phong **A** có khối lượng là 98,099 gam. Trộn đều và lấy 1,670 gam cho vào niêm phong ký hiệu **A1** làm mẫu gửi giám định. Số còn lại 96,429 gam cho vào bì niêm phong ký hiệu **A2** để lưu kho.

Cân 570 viên nén màu hồng trong niêm phong **A** có khối lượng 57,536 gam, lấy ngẫu nhiên 06 viên có khối lượng 0,596 gam cho vào niêm phong ký hiệu **A3** làm mẫu gửi giám định. Số còn lại 564 viên có khối lượng 56,94 gam cho vào bì niêm phong ký hiệu **A4** để lưu kho.

Tại bản kết luận giám định số 736/KL-KTHS ngày 24/6/2024 của Phòng K Công an tỉnh T, kết luận: Chất tinh thể màu trắng trong bì niêm phong ký hiệu A1 gửi đến giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine. Khối lượng thu giữ ban đầu là 98,099 gam. Các viên nén màu hồng trong bì niêm phong ký hiệu A3 gửi đến giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine. Khối lượng thu giữ ban đầu là 57,536 gam.

Quá trình điều tra xác định được hành vi phạm tội của bị cáo như sau: Khoảng 18 giờ ngày 14/6/2024, tại khu vực thị trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên Trương Văn Đ đã mua của người nam giới tên H (không rõ họ, tên đệm, địa chỉ) 02 túi ma túy đá và 06 túi ma túy hồng phiến với giá 58.000.000 đồng mục đích để bán lại kiếm lời. Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 16/6/2024, Đ mang toàn bộ số ma túy trên đi đến khu vực Tổ dân phố H, phường Đ, TP P, tỉnh Thái Nguyên để bán, khi Đ đang dừng đỗ xe mô tô tại khu vực Tổ dân phố H, phường Đ, thành phố P thì bị lực lượng Công an đến yêu cầu kiểm tra đã phát hiện bắt quả tang thu giữ vật chứng như trên.

Tại cơ quan điều tra bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ vật chứng, kết luận giám định, lời khai người chứng kiến.

Vật chứng của vụ án gồm: 155,635 gam Methamphetamine, 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, vỏ màu trắng, đã qua sử dụng; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, BKS: 20G1-563.64.

Bản cáo trạng số 97/CT-VKS, ngày 30/9/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Trương Văn Đ về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Phần luận tội tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát sau khi trình bày tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã kết luận giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm tuyên bố bị cáo Trương Văn Đ phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Căn cứ điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 20 năm tù. Phạt tiền bị cáo từ 5 đến 10 triệu đồng sung quỹ nhà nước.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tịch thu tiêu hủy số ma túy và vỏ túi nilon đã thu giữ; Tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone thu giữ

của bị cáo. Trả lại cho chị Trương Thị V 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda wave, BKS 20G1 – 563.64, do chị V đi làm ăn xa nên bàn giao xe cho ông Trương Văn L quản lý, sử dụng.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Trong phần tranh luận, bị cáo không tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát.

Luật sư bào chữa cho bị cáo xác định Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự là đúng quy định của pháp luật. Mức hình phạt chính đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp, đúng quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không có tài sản nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo nhất trí với nội dung bào chữa của Luật sư.

Đối đáp với ý kiến của luật sư: Bị cáo phạm tội vì mục đích lợi nhuận nên cần phạt bổ sung bị cáo một khoản tiền, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Bị cáo nói lời sau cùng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên và người bào chữa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, Luật sư và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp và đúng quy định của pháp luật. Tại phiên toà vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trương Thị V và người chứng kiến Hà Việt D. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, Điều 296 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người chứng kiến.

[2]. Về nội dung vụ án: Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, kết luận giám định, lời khai của người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do hám lời, nên khoảng 18 giờ 00 phút ngày 14/6/2024, tại khu vực thị trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên Trương

Văn Đ đã mua của một người nam giới tên H (không rõ họ, tên đệm, địa chỉ) **155,635** gam ma túy, loại Methamphetamine với giá 58.000.000 đồng mục đích để bán lại kiếm lời. Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 16/6/2024, Đ mang toàn bộ số ma túy trên đến khu vực tổ dân phố H, phường Đ, TP P, tỉnh Thái Nguyên để bán, nhưng chưa kịp bán thì bị lực lượng Công an đến yêu cầu kiểm tra đã phát hiện bắt quả tang thu giữ vật chứng.

Với hành vi nêu trên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung Điều 251 Bộ luật hình sự:

"*1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm*

...

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình

a,..

b, Methamphetamine ...có khối lượng 100 gam trở lên"

[3]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm đến sự độc quyền quản lý của nhà nước về các chất ma túy, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây hủy hoại sức khỏe của con người, làm nguy cơ gia tăng các loại tội phạm khác vì vậy cần phải được xử lý bằng pháp luật hình sự, buộc bị cáo phải cách ly xã hội để cải tạo, giáo dục bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, có thái độ ăn năn, hối cải, bố bị cáo là ông Trương Văn L được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có 03 tiền án chưa được xoá án tích nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Tái phạm nguy hiểm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5]. Vật chứng vụ án:

- Tịch thu tiêu hủy: Số ma túy và vỏ bao mẫu gói thu giữ của bị cáo được niêm phong ký hiệu A1, A2, A3, A4, A5.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone đã qua sử dụng, xác định điện thoại bị cáo không dùng để liên lạc mua bán ma tuý nên trả lại cho bị cáo, tuy nhiên cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, BKS 20G1 - 563.64 xác định là tài sản hợp pháp của chị Trương Thị V. Chị V không biết bị cáo sử dụng chiếc xe làm phương tiện để đi mua bán ma tuý nên cần trả lại cho chị V. Tuy nhiên, hiện tại chị V không có mặt tại Việt Nam, đồng thời chị V có đơn đề nghị

trả lại chiếc xe trên cho ông Trương Văn L nên Hội đồng xét xử xem xét trả lại chiếc xe trên cho ông Trương Văn L quản lý, sử dụng.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội vì mục đích lợi nhuận, vì vậy cần phạt bổ sung một khoản tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự để sung quỹ nhà nước.

[7]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo, Hội đồng xét xử sẽ xem xét theo quy định của pháp luật.

[8]. Liên quan trong vụ án này, Đ khai ngày 14/6/2024 Đ đã mua ma túy của một người nam giới tên H. Nhưng do Đ không biết họ, tên đệm, địa chỉ của H nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để xác minh làm rõ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 326 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Tuyên bố: Bị cáo Trương Văn Đ phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt: Căn cứ điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trương Văn Đ 20 (hai mươi) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/6/2024. Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 đồng sung quỹ nhà nước.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 bì niêm phong theo quy định ký hiệu **A1** trên mép dán có chữ ký, ghi rõ họ tên của Nguyễn Đắc Việt A cùng thành phần tham gia và hình dấu tròn của Cơ quan Phòng KTHS Công an tỉnh T, bên ngoài ghi: Hoàn trả 1,620 gam mẫu A1 còn lại sau giám định và vỏ bao gói.

+ 01 bì niêm phong theo quy định ký hiệu **A2** trên mép dán có chữ ký, ghi rõ họ tên của Nguyễn Đắc Việt A cùng thành phần tham gia và hình dấu tròn của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T, bên ngoài ghi: = 96,429 gam các chất tinh thể màu trắng.

+ 01 bì niêm phong theo quy định ký hiệu **A3** trên mép dán có chữ ký, ghi rõ họ tên của Nguyễn Đắc Việt A cùng thành phần tham gia và hình dấu tròn của Cơ quan Phòng KTHS Công an tỉnh T, bên ngoài ghi: Hoàn trả 0,553 gam mẫu A3 còn lại sau giám định và vỏ bao gói.

+ 01 bì niêm phong theo quy định ký hiệu **A4** trên mép dán có chữ ký, ghi rõ họ tên của Nguyễn Đắc Việt A cùng thành phần tham gia và hình dấu tròn của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T, bên ngoài ghi: 564 viên nén màu hồng = 56,94 gam.

+ 01 bì niêm phong theo quy định ký hiệu **A5** trên mép dán có chữ ký, ghi rõ họ tên của Nguyễn Đắc Việt A cùng thành phần tham gia và hình dấu tròn của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T, bên ngoài ghi: các túi nilon màu trắng và bì niêm phong ban đầu.

- Tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo: 01 bì niêm phong theo quy định ký hiệu **B1** trên mép dán có chữ ký, ghi rõ họ tên của Nguyễn Đắc Việt A cùng thành phần tham gia và hình dấu tròn của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T, bên ngoài ghi: 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE vụ Trương Văn Đ.

- Trả lại cho ông Trương Văn L**:** 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, gắn BKS: 20G1 – 563.64. Số máy: JA39E1634924; số khung: RLHJA3910LY296559, không có gương bên phải.

Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng số 04 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T *và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên ngày 02/10/2024;*

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết./.

***Nơi nhận*:**
- TANDTC; TANDCC; Sở tư pháp;
- VKSNDCC; VKSND tỉnh TN;
- Công an tỉnh TN; Trại tạm giam;
- Cục THADS tỉnh;
- Bị cáo;
- NTGTT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Minh Tuân